

KHUNG TIỀN GỬI XANH CỦA TECHCOMBANK

TECHCOMBANK'S GREEN DEPOSIT FRAMEWORK

MỤC LỤC

TABLE OF CONTENT

01.	Về Techcombank và định hướng ESG của chúng tôi	03
	<i>About Techcombank and our ESG direction</i>	
	1.1 Giới thiệu về ngân hàng Techcombank	03
	<i>About Techcombank</i>	
	1.2 Khát vọng và mục tiêu phát triển bền vững của Techcombank	04
	<i>Techcombank's sustainability aspirations and targets</i>	
02.	Khung tiền gửi xanh - Mục đích	05
	<i>Green Deposit Framework - Purpose</i>	
03.	Các lĩnh vực và tiêu chí xanh đủ điều kiện	06
	<i>Eligible Green Categories and Criteria</i>	
04.	Các tiêu chí loại trừ và Giới hạn trách nhiệm	18
	<i>Exclusions and Disclaimer</i>	

1. Về Techcombank và định hướng ESG của chúng tôi

About Techcombank and our ESG direction

1.1 Giới thiệu về ngân hàng Techcombank

1.1 About Techcombank

Được thành lập vào năm 1993, khi Việt Nam bắt đầu chuyển đổi từ nền kinh tế tập trung sang nền kinh tế định hướng thị trường, Techcombank đã phát triển không ngừng trong 30 năm qua để trở thành Ngân hàng tư nhân hàng đầu tại Việt Nam, với vốn hóa hơn 7 tỷ USD và lợi nhuận trước thuế trên 1 tỷ USD – một thành công được Techcombank ươm mầm từ chiến lược tập trung giải quyết nhu cầu luôn thay đổi của khách hàng.

Xác định tầm nhìn “Chuyển đổi ngành tài chính, nâng tầm giá trị sống” phát huy trọn vẹn tiềm năng của mỗi cá nhân, Techcombank cam kết không ngừng mang đến những giá trị lớn hơn cho khách hàng và cổ đông; đáp ứng nhu cầu thay đổi mỗi ngày bằng cách tập trung vào các giải pháp tiên phong, trở thành đối tác tài chính tin cậy của mọi khách hàng. Techcombank mang sứ mệnh dẫn dắt hành trình số hóa của ngành tài chính, tạo động lực cho mỗi cá nhân, doanh nghiệp và tổ chức phát triển bền vững và bứt phá thành công. Techcombank cũng là ngân hàng tư nhân đầu tiên phát hành trái phiếu xanh tại Việt Nam (tháng 12/2024).

Founded in 1993, when Vietnam began its transition from a centrally planned economy to a market-oriented economy, Techcombank has developed continuously over the past 30 years to become the largest private bank in Vietnam, with capitalization of ~USD 7 billion and profit before tax of more than USD 1 billion - a success driven by our strategy of focusing on the ever-changing needs of customers.

With the vision of “Change banking, change lives” to uplift and realize the potential of each individual, Techcombank commits to bringing greater value to customers and shareholders; focusing on pioneering solutions to meet customer needs and become the trusted financial partner of every customer. Techcombank carries the mission of leading the digital journey of the financial industry, enabling each individual, business, and organization to progress and thrive sustainably. Techcombank is also the first private bank to issue green bonds in Vietnam (December 2024).



**Chuyển đổi ngành tài chính,
nâng tầm giá trị sống**

Change banking, change lives

1.2 Khát vọng và mục tiêu phát triển bền vững của Techcombank

1.2 Techcombank's sustainability aspirations and targets

Techcombank hướng tới trở thành ngân hàng tiên phong về tài chính bền vững, đóng vai trò thúc đẩy tăng trưởng xanh của Việt Nam và củng cố sự phát triển kinh tế dài hạn. Bằng cách đưa phát triển bền vững vào cốt lõi chiến lược kinh doanh, chúng tôi cam kết cung cấp các giải pháp tài chính sáng tạo, giúp doanh nghiệp và cá nhân chuyển đổi sang nền kinh tế phát thải carbon thấp. Cam kết của chúng tôi không chỉ giới hạn ở tài trợ tài chính, mà còn bao gồm việc thúc đẩy thực hành ESG có trách nhiệm, hỗ trợ các dự án bền vững và hợp tác với các đối tác để tạo ra tác động tích cực về môi trường và xã hội.

Phù hợp với Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh của Việt Nam và mục tiêu phát thải ròng bằng 0 (net zero) vào năm 2050, cũng như các khung phát triển bền vững toàn cầu như Các Mục tiêu Phát triển Bền vững của Liên Hợp Quốc (SDG), chúng tôi tích hợp các yếu tố ESG vào hoạt động, chính sách và quá trình ra quyết định của Ngân hàng. Cam kết phát triển bền vững của chúng tôi được xây dựng xoay quanh các lĩnh vực chiến lược chủ chốt sau:

At Techcombank, we aspire to become a leading sustainable finance champion, helping to drive Vietnam's green growth and fostering long-term economic resilience. By embedding sustainability at the core of our business strategy, we aim to provide innovative financial solutions that empower businesses and individuals to transition towards a low-carbon economy. Our commitment extends beyond financing, we actively promote responsible ESG practices, support sustainable projects and collaborate with stakeholders to drive positive environmental and social impact.

Aligned with Vietnam's National Green Growth Strategy and the goal of achieving net-zero emissions by 2050 as well as global sustainability frameworks such as the United Nations (UN) Sustainable Development Goals (SDGs), we integrate ESG considerations into our operations, policies and decision-making processes. Our sustainability commitment is structured around key strategic areas:

Mục tiêu tài chính bền vững & tăng trưởng kinh tế



- Gia tăng tỷ trọng tín dụng cho khách hàng, lĩnh vực và dự án tập trung vào ESG trong tổng dư nợ cho vay.
- Hoàn tất số hóa các dịch vụ ngân hàng cốt lõi vào năm 2025, hướng tới mô hình chi nhánh không giấy tờ, giảm tiêu thụ giấy.
- Mở rộng tài trợ cho doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME) và các doanh nghiệp do phái nữ lãnh đạo, tập trung vào hỗ trợ họ xây dựng những mô hình kinh doanh bền vững và phát triển mạnh mẽ.

Sustainable finance and economic growth goals

- Allocate increasing share of total outstanding lending credit to ESG focused customers, sectors and projects.
- Achieve full digitalisation of core banking services by 2025 to transition to paperless branches, reduce paper consumption. Expand financing to small and medium enterprise (SME) and women-led businesses, with a focus on helping them to build new, sustainable and thriving businesses.

Mục tiêu trách nhiệm môi trường



- Chúng tôi cam kết giảm dấu chân carbon của ngân hàng, phù hợp với mục tiêu đạt mức phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050 của Việt Nam.
- Chúng tôi sẽ hỗ trợ khách hàng trong việc giảm phát thải carbon và hướng đến tăng trưởng bền vững với cường độ phát thải carbon thấp.

Environmental responsibility goals

- We are committed to reducing the bank's carbon footprint, aligning with Vietnam's goal of achieving net-zero emissions by 2050.
- We will help guide clients to reduce their carbon footprint and achieve sustainable low-carbon intensive growth.

Mục tiêu tác động xã hội và quản trị



- Duy trì tỷ lệ tối thiểu 50% nhân sự nữ quản lý trong toàn ngân hàng.
- Được công nhận là một trong những doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam về quản trị xuất sắc.
- Đóng góp tích cực vào các sự kiện cộng đồng và tổ chức phi lợi nhuận tập trung vào ESG.

Social impact and governance goals

- Maintain at least 50% representation of female managers.
- Be recognised among the top companies in Vietnam for governance excellence.
- Contribute meaningfully to ESG-focused community events and non-profit organisation.



Phát triển bền vững được tích hợp vào chiến lược kinh doanh dài hạn của chúng tôi, nhằm tạo ra các phương thức tiếp cận mới giúp cân bằng giữa tăng trưởng kinh doanh với trách nhiệm môi trường và xã hội thông qua một khung chiến lược toàn diện.

Là một tổ chức tài chính hàng đầu, Techcombank mong muốn tạo ra tác động tích cực cho một "Việt Nam thịnh vượng hơn", bằng cách đưa các yếu tố môi trường và xã hội vào đối thoại và hợp tác với các đối tác quan trọng.

Sustainability is embedded in our long-term business strategy, creating new approaches that balance business growth with environmental and social responsibility through a comprehensive framework.

As a leading financial institution, we want to create an impact for a 'Greater Vietnam', by bringing aspects of environmental and social impact into our dialogue and engagement with our key stakeholders.

2. Khung tiền gửi xanh - Mục đích

Green Deposit Framework - Purpose

Mục đích của tài liệu này là cung cấp thông tin về Khung tiền gửi xanh của Techcombank (“Khung tiền gửi xanh” hoặc “Khung”) và nêu các lĩnh vực và tiêu chí xanh - mang lại lợi ích môi trường - đủ điều kiện.

Tiền gửi Xanh của Techcombank được cung cấp cho các khách hàng doanh nghiệp đủ điều kiện đang mong muốn đầu tư thanh khoản dư thừa vào một sản phẩm sinh lời để tài trợ cho các cam kết mang lại lợi ích Môi trường của Techcombank. Techcombank sẽ dành riêng số tiền thu được ròng từ các khoản tiền gửi này để tài trợ hoặc tái cấp vốn cho các tài sản đủ điều kiện thuộc các Lĩnh vực Đủ điều kiện được liệt kê trong Khung và liên tục theo dõi tổng số dư tiền gửi xanh được phân bổ.

Danh mục các tài sản sử dụng vốn từ tiền gửi Xanh là một tập hợp con được xác định trong danh mục tài sản của Techcombank phù hợp với các Tiêu chí xanh Đủ điều kiện trong Khung (“Danh mục Khoản vay xanh Đủ điều kiện”).

The aim of this document is to provide information on Techcombank’s Green Deposit Framework (“Green Deposit Framework” or “the Framework”) and set out underlying eligible green criteria – bringing environmental benefits.

Techcombank’s Green Deposits are offered to eligible corporate customers seeking to invest surplus liquidity in an interest-bearing product designated to fund Techcombank’s green financing commitments. Techcombank will earmark net proceeds from these deposits to effectively finance or refinance eligible assets that fall under Eligible categories listed in the Framework and continually monitor the allocated funds thereafter.

The Green Deposit Portfolio is an identified subset of Techcombank’s portfolio of assets that align with the Eligible Green Criteria in the Framework (“Eligible Green Loan Portfolio”).

Nếu vì bất kỳ lý do nào, một Khoản vay Đủ điều kiện trong Danh mục các tài sản sử dụng vốn từ tiền gửi Xanh không còn phù hợp với các Tiêu chí Đủ điều kiện, khoản vay đó sẽ bị loại khỏi Danh mục các tài sản sử dụng vốn từ tiền gửi Xanh như một phần của quy trình kiểm soát sau hàng năm. Techcombank sẽ đảm bảo không có việc ghi nhận kế toán trùng lặp đối với Danh mục Khoản vay Đủ điều kiện được tài trợ thông qua các công cụ khác nhau (nghĩa là một Khoản vay đủ điều kiện được tài trợ bởi vốn từ tiền gửi Xanh sẽ không được tài trợ bởi vốn từ Trái phiếu xanh hay các nguồn vốn xanh khác).

Chúng tôi sẽ sử dụng tổng số tiền cam kết của các khoản vay xanh đủ điều kiện của Techcombank để xác định quy mô tổng năng lực Tiền gửi Xanh, với mục tiêu đảm bảo Tiền gửi Xanh không vượt quá các khoản vay xanh đủ điều kiện. Trong khi chờ phân bổ toàn bộ số tiền thu được từ tiền gửi xanh, số dư tiền thu được chưa phân bổ sẽ được giữ dưới dạng tiền mặt hoặc các công cụ tương đương tiền mặt theo quy định quản lý nguồn vốn của Techcombank.

If, for any reason, an Eligible Green Loan within the Green Deposit Portfolio no longer aligns with the Eligible Criteria, it will be removed from the Green Deposit Portfolio as part of the annual reconciliation process. Techcombank will ensure no double accounting for the Eligible Green Loan Portfolio financed through different instruments (i.e. a loan financed by green deposit will not be financed by green bond or any other green funding sources).

We will use the aggregate committed amounts of eligible loans recorded by Techcombank to determine the size of the overall Green Deposits capacity, with the objective of ensuring Green Deposits do not exceed eligible loans for a sustained period. Pending the full allocation of the proceeds, the balance of unallocated proceeds will be held in cash or cash equivalent instruments in line with Techcombank’s treasury management.

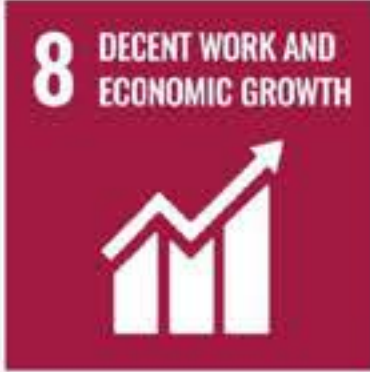
3. Các lĩnh vực và tiêu chí xanh đủ điều kiện

Eligible Green Categories and Criteria¹

¹ Các tiêu chí này phù hợp với tiêu chí xanh trong Khung trái phiếu xanh của Techcombank đã được S&P rà soát và đánh giá. Nội dung này cần được đọc cùng với Mục III. Các tiêu chí loại trừ dưới đây.

¹ These criteria are consistent with the green criteria in Techcombank's green bond framework, which has been reviewed by S&P. The criteria in the grid should be read in tandem with the "Exclusions" section below.

STT No.	Các lĩnh vực xanh đủ điều kiện <i>Eligible project Categories</i>	Tiêu chí phân loại <i>Classification criteria</i>	Phù hợp với mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc <i>Alignment with UN SDGs</i>
1	Năng lượng tái tạo, năng lượng sạch <i>Renewable energy, clean energy</i>	Các dự án, kế hoạch đầu tư xây dựng và vận hành các cơ sở sản xuất/ trang thiết bị của năng lượng tái tạo như: • Năng lượng gió • Năng lượng mặt trời • Các dự án thủy điện quy mô nhỏ với công suất không vượt quá 10 MW • Năng lượng mới, năng lượng sạch khác (VD: địa nhiệt) Lưu ý: Dự án năng lượng địa nhiệt, lượng phát thải khí nhà kính trong suốt vòng đời đến từ việc phát điện của toàn bộ cơ sở phải dưới 100 gCO₂e/kWh. Các dự án xây dựng và vận hành hệ thống lưới điện thông minh. <i>Projects and plans for investment in the construction and operation of renewable energy plants/equipment such as:</i> • <i>Wind energy</i> • <i>Solar energy</i> • <i>Small-scale hydropower projects with capacity under 10 MW</i> • <i>Other forms of clean energy (e.g. geothermal energy)</i> Note: <i>For geothermal energy projects, the lifecycle greenhouse gas emissions from the generation of electricity by the entire facility must be less than 100 gCO₂e/kWh. Smart grid construction and operation projects.</i>	Mục tiêu 7. Năng lượng sạch và giá thành hợp lý <i>Goal 7.</i> <i>Affordable and clean energy</i> 
2	Công nghiệp xanh <i>Green Industries</i>	• Tiết kiệm tài nguyên (năng lượng, nước...) trong sản xuất công nghiệp • Giảm thiểu phát thải trong sản xuất công nghiệp (VD: Dự án cải tạo lọc bụi ở nhà máy điện, nhà máy thép, nhà máy xi măng) • Tận dụng nhiệt dư và áp suất dư từ hệ thống sử dụng năng lượng tái tạo • Dự án nhằm cải tạo và xây dựng không gian làm việc và nhà máy để đảm bảo vệ sinh, an toàn lao động, và mang lại các lợi ích môi trường như tăng hiệu quả năng lượng, tối ưu hóa việc sử dụng nước, quản lý chất thải hiệu quả và cải thiện chất lượng không khí trong nhà... Lưu ý: Các dự án trong lĩnh vực xanh này cần đạt được mức tiết kiệm năng lượng tối thiểu là 10% <i>Saving natural resources (energy, water efficiency...) in industrial production</i> <i>Reduction of emissions in industrial production (e.g. Dust filtration projects in power plants, steel factories, cement factories)</i> <i>Utilization of excess heat and pressure from the system powered by renewable energy</i> <i>Projects aimed at renovating and constructing workspaces and factories to ensure hygiene, occupational safety, and provide environmental benefits such as energy efficiency, optimized water usage, effective waste management, and improved indoor air quality, etc.</i> Note: <i>Projects under this green eligibility category need to achieve at least 10% energy savings</i>	Mục tiêu 9. Công nghiệp, sáng tạo và phát triển hạ tầng <i>Goal 9.</i> <i>Industry, Innovation and Infrastructure</i> 

STT No.	Các lĩnh vực xanh đủ điều kiện <i>Eligible project Categories</i>	Tiêu chí phân loại <i>Classification criteria</i>	Phù hợp với mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc <i>Alignment with UN SDGs</i>
3	Cung cấp các dịch vụ bảo vệ môi trường, tiết kiệm tài nguyên <i>Provision of environmental protection and energy-efficient services</i>	Cung cấp dịch vụ tiết kiệm năng lượng, ví dụ: • Dịch vụ tư vấn về thử nghiệm, nhân rộng ứng dụng công nghệ tiết kiệm năng lượng • Thiết kế kiến trúc và công nghệ tiết kiệm năng lượng • Dịch vụ tư vấn đánh giá hiệu quả tiết kiệm năng lượng Cung cấp dịch vụ bảo vệ môi trường, ví dụ: • Dịch vụ điều tra, đánh giá rủi ro môi trường ở khu vực ô nhiễm • Vận hành và bảo trì trang thiết bị phục vụ đánh giá tính an toàn của môi trường • Dịch vụ dự báo và đánh giá hiệu quả xử lý ô nhiễm • Đào tạo nhân viên điều tra môi trường Lưu ý: Các dự án trong lĩnh vực xanh này cần đạt được mức tiết kiệm năng lượng tối thiểu là 10% <i>Provision of energy efficiency service, for example:</i> • <i>Consulting services on testing, replicating and applying energy saving technologies</i> • <i>Architecture and technology design for energy efficiency</i> • <i>Consulting services on energy efficiency assessment</i> <i>Provision of environmental protection services, for example:</i> • <i>Environmental risk assessment and investigation services in contaminated areas</i> • <i>Operation and maintenance of equipment for environmental safety assessment</i> • <i>Forecast and assessment the effectiveness of pollution treatment</i> • <i>Training of environmental investigators</i> Note: <i>Projects under this green eligibility category need to achieve at least 10% energy savings</i>	Mục tiêu 7. Năng lượng sạch và giá thành hợp lý Mục tiêu 8. Công việc tốt và tăng trưởng kinh tế Mục tiêu 9. Công nghiệp, sáng tạo và phát triển hạ tầng Goal 7. <i>Affordable and clean energy</i> Goal 8. <i>Decent Work and Economic Growth</i> Goal 9. <i>Industry, Innovation and Infrastructure</i> 

STT No.	Các lĩnh vực xanh đủ điều kiện <i>Eligible project Categories</i>	Tiêu chí phân loại <i>Classification criteria</i>	Phù hợp với mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc <i>Alignment with UN SDGs</i>
4	Giao thông bền vững <i>Sustainable transportation</i>	Phát triển hạ tầng giao thông bền vững, ví dụ: - Xây dựng và lắp đặt các hệ thống đèn đường thông minh sử dụng tấm pin năng lượng mặt trời Giảm phát thải từ các phương tiện giao thông, ví dụ: - Đầu tư, sản xuất, sử dụng và kinh doanh các loại xe điện (ô tô điện, xe máy điện, ...) - Sử dụng nhiên liệu sạch để cung cấp năng lượng cho các phương tiện., cụ thể là hydro xanh và các chế phẩm từ hydro xanh. Nhiên liệu sạch không bao gồm các loại nhiên liệu như khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) và khí tự nhiên nén (CNG) Phát triển cơ sở hạ tầng sản xuất xe điện - Đầu tư xây dựng, lắp đặt và cải tạo các nhà máy và dây chuyền sản xuất xe điện <i>Development of sustainable transportation infrastructure, for example:</i> <i>Construction and installment of smart street light systems powered by solar panels</i> <i>Reduction of emissions from vehicles, for example:</i> <i>Investment in, manufacturing, use and trade of electric vehicles (electric cars, electric motorcycles, etc.)</i> <i>Use clean fuels, specifically green hydrogen and its derivatives, to power vehicles. This excludes fuels like liquefied petroleum gas and compressed natural gas</i> <i>Development of electric vehicle manufacturing infrastructure:</i> <i>Investment in the construction, installation, and renovation of electric vehicle factories and production lines</i>	Mục tiêu 11. Các thành phố và cộng đồng bền vững <i>Goal 11.</i> <i>Sustainable Cities and Communities</i> 

STT No.	Các lĩnh vực xanh đủ điều kiện <i>Eligible project Categories</i>	Tiêu chí phân loại <i>Classification criteria</i>	Phù hợp với mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc <i>Alignment with UN SDGs</i>
5	Nông nghiệp xanh <i>Green agriculture</i>	• Xây dựng, cải tạo các công trình dân dụng/khu công nghiệp sử dụng tiết kiệm và hiệu quả năng lượng, nước, tài nguyên; • Sản xuất, quản lý vật liệu xây dựng bền vững, thân thiện với môi trường • Xây dựng, cải tạo các công trình xây dựng đạt một trong các chứng chỉ xanh sau: LEED (hạng Vàng hoặc cao hơn), EDGE (Được chứng nhận hoặc đạt hạng cao hơn), Chứng nhận công trình xanh Việt Nam LOTUS (Được chứng nhận hoặc đạt hạng cao hơn), BREEAM (Hạng xuất sắc hoặc cao hơn), hoặc các chứng chỉ công trình xanh tương đương Lưu ý: Dự án cải tạo công trình xây dựng cần giảm được ít nhất 20% mức tiêu thụ năng lượng so với hiệu suất trung bình của các tòa nhà hiện có tương đương. • <i>Construction and renovation of civil constructions/industrial parks with efficient use of energy, water and resources</i> • <i>Manufacturing and management of sustainable and environmentally friendly building materials</i> • <i>Construction and renovation of construction works to achieve one of the following green certificates: LEED (Gold or higher), EDGE (Certified or higher), Vietnam GBC Lotus Certification (Certified or higher), and BREEAM (Excellent or higher) or other equivalent green construction certificates</i> Notes: <i>Renovation projects for buildings must achieve at least a 20% reduction in energy consumption compared to the average performance of equivalent existing buildings.</i>	Mục tiêu 2. Không còn nạn đói Mục tiêu 12. Tiêu thụ và sản xuất có trách nhiệm Mục tiêu 15. Tài nguyên và môi trường trên đất liền <i>Goal 2.</i> <i>Zero Hunger</i> <i>Goal 12.</i> <i>Responsible Consumption and Production</i> <i>Goal 15.</i> <i>Life on Land</i> 

STT No.	Các lĩnh vực xanh đủ điều kiện <i>Eligible project Categories</i>	Tiêu chí phân loại <i>Classification criteria</i>	Phù hợp với mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc <i>Alignment with UN SDGs</i>
6	Công trình xây dựng xanh <i>Green Construction</i>	Sản xuất nông nghiệp hiện đại theo hướng hội nhập, ví dụ: - Dự án đầu tư cơ sở nuôi, gây giống cây trồng phục vụ thương mại hóa, bao gồm các dự án liên quan đến hạt giống góp phần vào việc thích ứng và giảm thiểu biến đổi khí hậu. Ví dụ: các dự án liên quan đến các giống cây đóng góp thích ứng biến đổi khí hậu, ví dụ các chủng giống có khả năng thích nghi, hạt giống từ các loài cây bản địa, hạt giống hữu cơ được chứng nhận và các loại tương tự khác - Dự án xây dựng năng lực cung cấp hạt giống cho sản xuất (mạng lưới ươm cây giống, phân phối, vận chuyển, v.v.) - Mua sắm thiết bị cơ giới hóa, xây dựng đồng bộ các khâu làm khô, lựa chọn, gia công, chế biến, cất trữ, kiểm tra giống Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao: - Dự án nông nghiệp công nghệ cao được chứng nhận bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Bộ Khoa học và Công nghệ Nông nghiệp sạch, ví dụ như: - Dự án được cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao - Dự án sản xuất nông nghiệp được chứng nhận VietGAP theo Thông tư số 48/2012/TT-BNNPTNT - Các dự án khác có chứng chỉ như GlobalGAP, ASC, MSC... Lưu ý: Dự án trong lĩnh vực này đều phải được cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định tại Thông tư số 48/2013/TT-BNNPTNT ngày 12/11/2013. Nông nghiệp hữu cơ, ví dụ như: - Dự án sản xuất các sản phẩm hữu cơ được bên thứ ba chứng nhận theo tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) về nông nghiệp hữu cơ hoặc tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài được áp dụng trong sản xuất sản phẩm hữu cơ - Dự án không dùng các vật tư là chất hóa học tổng hợp trong tất cả các giai đoạn của chuỗi sản xuất, tránh trường hợp con người và môi trường tiếp xúc với các hóa chất độc hại, giảm thiểu ô nhiễm ở nơi sản xuất và môi trường chung quanh - Dự án không sử dụng công nghệ biến đổi gen, phóng xạ và công nghệ khác có hại cho sản xuất hữu cơ Nông nghiệp giảm phát thải khí nhà kính (nông nghiệp các bon thấp), thích ứng thông minh với biến đổi khí hậu, ví dụ: - Áp dụng công nghệ, quy trình sử dụng tiết kiệm hiệu quả giống, thức ăn, vật tư, tài nguyên (đất, nước....) trong sản xuất nông nghiệp Lưu ý: Các dự án liên quan đến nạn phá rừng hoặc/và làm mất đa dạng sinh học sẽ không đủ điều kiện.	Mục tiêu 11. Các thành phố và cộng đồng bền vững Goal 11. <i>Sustainable Cities and Communities</i> 

STT No.	Các lĩnh vực xanh đủ điều kiện <i>Eligible project Categories</i>	Tiêu chí phân loại <i>Classification criteria</i>	Phù hợp với mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc <i>Alignment with UN SDGs</i>
6	Công trình xây dựng xanh <i>Green Construction</i>	Modern and globalized agriculture, for example: • Investment in plant breeding facilities for commercial purposes. For example, projects involving seeds that contribute to climate change adaptation and mitigation, such as adaptive varieties, seeds from native species, certified organic seeds, and other similar schemes • Capacity building for seed production (networks of seedling nurseries, distribution, transportation, etc.) • Procurement of mechanized equipment, construction of facilities for drying, selection, processing, preservation and testing seeds High-tech agriculture • High-tech agriculture projects certified by the Ministry of Agriculture and Rural Development or Ministry of Science and Technology Clean agriculture, for instance: • Projects with Certificate of high-tech agricultural enterprise • Agricultural production project with VietGAP Certificate according to Circular No. 48/2012/TT-BNNPTNT • Other projects certified by GlobalGAP, ASC, MSC... Note: All projects in this category must be certified with Certificates of Food Safety according to the regulations in Circular No. 48/2013/TT-BNNPTNT dated November 12, 2013 Bio-agriculture, for instance: • Projects to produce organic products certified by a third party according to national standards) on organic agriculture or international standards, regional standards, and foreign standards applied in organic product manufacturing • Projects that do not use synthetic chemicals in all stages of the production chain to avoid human and environmental exposure to toxic chemicals, minimizing pollution at the production site and surrounding environment • The project that does not use genetically modified technology, radiation, and other technologies harmful to organic production Reduction of greenhouse gases in agriculture (low-carbon agriculture), smart adaptation to climate change, for example: • Application of technologies and procedures with high breed/feed/supplies/resources (soil, water, etc.) efficiency in agricultural production Notes: Projects associated with deforestation and/or biodiversity loss are not eligible.	Mục tiêu 11. Các thành phố và cộng đồng bền vững Goal 11. <i>Sustainable Cities and Communities</i> 

STT No.	Các lĩnh vực xanh đủ điều kiện <i>Eligible project Categories</i>	Tiêu chí phân loại <i>Classification criteria</i>	Phù hợp với mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc <i>Alignment with UN SDGs</i>
7	Lâm nghiệp bền vững <i>Sustainable forestry</i>	Các dự án bảo tồn và phát triển rừng, ví dụ: • Dự án trồng rừng • Dự án cải tạo đất rừng • Dự án cải tạo đất rừng từ hiệu quả thấp thành hiệu quả cao • Dự án bảo tồn và quản lý các khu rừng ngập mặn theo cơ chế đồng lợi ích Lưu ý: Dự án cần đồng thời thỏa mãn hai điều kiện sau: • Dự án cần cung cấp tài liệu theo yêu cầu của pháp luật Việt Nam, ví dụ chứng nhận theo Thông tư 23/2013/TT-BNNPTNT • Dự án cần đạt được ít nhất một hoặc đồng thời nhiều chứng nhận rừng sau, ví dụ: ◦ Chứng nhận FSC ◦ Chứng nhận PEFC ◦ Tuân thủ hướng dẫn của VFCO Phát triển kinh tế lâm nghiệp và dịch vụ rừng (VD: Dự án phát triển sản xuất, kết hợp trồng trọt và chăn nuôi trong môi trường sinh thái rừng) • Đầu tư, phát triển các loại giống cây trồng lâm nghiệp Lưu ý: Dự án đầu tư chăn nuôi trên đất rừng dẫn đến tăng tổng cá thể trong đàn sẽ không đủ điều kiện. <i>Forest conservation and development projects, for example:</i> • <i>Reforestation projects</i> • <i>Forest land improvement projects</i> • <i>Low to high efficiency forest land improvement projects</i> • <i>Mangrove forest conservation and management projects under co-benefit mechanism</i> Notes: The project must simultaneously meet the following two conditions: • <i>Projects must provide documentation required by Vietnam's laws, such as certification under Circular 23/2013/TT-BNNPTNT</i> • <i>The project must obtain at least one or multiple of the following forest certification, such as:</i> ◦ <i>FSC certification</i> ◦ <i>PEFC certification</i> ◦ <i>Adherence to VFCO guidelines</i> Development of forestry economy and forest services (e.g., projects for production development, integrating crop cultivation and live-stock breeding in forest ecosystem) • <i>Forestry seedlings investment and development</i> Notes: Projects relating to livestock in forest that increase the total herd size are not eligible.	Mục tiêu 12. Tiêu thụ và sản xuất có trách nhiệm Mục tiêu 15. Tai nguyên và môi trường trên đất liền <i>Goal 12.</i> <i>Responsible Consumption and Production</i> <i>Goal 15.</i> <i>Life on Land</i> 

STT No.	Các lĩnh vực xanh đủ điều kiện <i>Eligible project Categories</i>	Tiêu chí phân loại <i>Classification criteria</i>	Phù hợp với mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc <i>Alignment with UN SDGs</i>
8	Quản lý nước bền vững tại khu vực đô thị và nông thôn <i>Sustainable Water Management in Urban and Rural Areas</i>	Quản lý nước bền vững tại thành phố, ví dụ: • Dự án cải tạo hệ thống cấp nước sinh hoạt ở thành phố nhằm giảm tỷ lệ thất thoát nước, rò rỉ nước • Dự án xây dựng và cải tạo hệ thống cấp nước sinh hoạt tại thành phố đảm bảo hợp vệ sinh, cấp nước hiệu quả cho các hộ dân • Công trình tái sử dụng nước thải sinh hoạt đã qua xử lý • Dự án đầu tư hệ thống thu thập, xử lý và tái sử dụng nguồn nước mưa tại khu vực đô thị Xây dựng cơ sở hạ tầng thủy lợi dành cho sản xuất nông nghiệp Lưu ý: Dự án trong lĩnh vực này, liên quan đến thủy lợi cho sản xuất nông nghiệp phải đạt được ít nhất 20% tiết kiệm nước so với các phương pháp thông thường. <i>Sustainable water management in cities, for example:</i> • <i>Urban water supply system renovation projects to reduce water loss and leakage</i> • <i>Urban drinking water supply system construction and renovation projects to ensure hygiene and effective water supply for households</i> • <i>Treated domestic wastewater reuse projects</i> • <i>Projects of rainwater collection, treatment and reuse system in urban areas</i> Irrigation infrastructure construction for agricultural production Note: <i>The agricultural irrigation projects in this category must achieve at least a 20% water saving compared to conventional practices.</i>	Mục tiêu 6 Nước sạch và vệ sinh Mục tiêu 11 Các thành phố và cộng đồng bền vững <i>Goal 6</i> <i>Clean Water and Sanitation</i> <i>Goal 11</i> <i>Sustainable Cities and Communitie</i>  

STT No.	Các lĩnh vực xanh đủ điều kiện <i>Eligible project Categories</i>	Tiêu chí phân loại <i>Classification criteria</i>	Phù hợp với mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc <i>Alignment with UN SDGs</i>
9	Xử lý chất thải và phòng chống ô nhiễm <i>Waste treatment and pollution prevention control</i>	Xử lý nước thải Xử lý rác thải, ví dụ: • Dự án xây dựng và vận hành cơ sở thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt • Dự án xử lý chất thải rắn công nghiệp • Dự án xử lý chất thải rắn nguy hại Lưu ý: Dự án trong lĩnh vực này thu gom và xử lý chất thải phải đảm bảo rằng chất thải được xử lý theo cách thân thiện với môi trường, chẳng hạn như tái chế, ủ phân, tiêu hóa kỵ khí, chuyển đổi chất thải thành năng lượng hoặc các phương pháp xử lý chất thải tiên tiến khác. Phòng chống ô nhiễm, ví dụ: • Dự án xây dựng công trình xử lý và ngăn chặn ô nhiễm các dòng chảy • Dự án đầu tư công nghệ cải thiện chất lượng nguồn nước • Dự án giảm thiểu và phòng chống ô nhiễm không khí (bụi, khí) Lưu ý: Dự án trong lĩnh vực này liên quan đến việc xử lý rác thải bằng cách chôn lấp sẽ không đủ điều kiện ◦ Dự án trong lĩnh vực này dẫn đến việc tăng khối lượng chôn lấp sẽ không đủ điều kiện ◦ Dự án Chuyển đổi Chất thải thành Năng lượng (WtE) không đảm bảo phân loại và thu hồi phần lớn các vật liệu có thể tái chế (như nhựa, kim loại và giấy) trước khi chuyển đổi chất thải còn lại thành năng lượng không đủ điều kiện <i>Wastewater treatment</i> <i>Waste disposal, for example:</i> • <i>Waste collection and treatment facility construction and operations projects for residents</i> • <i>Industrial solid waste disposal projects</i> • <i>Hazardous solid waste disposal projects</i> Notes: <i>Waste collection and treatment projects, in this catagory, must ensure that waste is disposed in an environmentally sound manner, such as recycling, composting, anaerobic digestion, waste-to-energy, or other advanced waste treatment methods.</i> <i>Pollution prevention, for example:</i> • <i>Waterflow pollution handling and prevention projects</i> • <i>Technology investment projects to improve water quality</i> • <i>Air pollution mitigation and prevention projects (dust, gases)</i> Notes: <i>Projects in this category, involving disposal to landfill are not eligible</i> ◦ <i>Projects in this category that result in increased landfill volumes are not eligible</i> ◦ <i>Waste-to-Energy (WtE) projects that do not ensure the segregation and recovery of the majority of recyclable materials (such as plastics, metals, and paper) before converting residual waste to energy are not eligible</i>	Mục tiêu 11 Các thành phố và cộng đồng bền vững Goal 11 <i>Sustainable Cities and Communitie</i> 

STT No.	Các lĩnh vực xanh đủ điều kiện <i>Eligible project Categories</i>	Tiêu chí phân loại <i>Classification criteria</i>	Phù hợp với mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc <i>Alignment with UN SDGs</i>
10	Bảo tồn đa dạng sinh học trên cạn và dưới nước, và thích ứng với biến đổi khí hậu <i>Terrestrial and aquatic biodiversity conservation and climate change adaptation</i>	Các dự án về kế hoạch xây dựng khu bảo tồn thiên nhiên (rừng, biển, khu cứu hộ, nuôi dưỡng động vật hoang dã, sa mạc) Khôi phục sinh thái, ví dụ: • Dự án cải tạo tổng hợp môi trường vùng đất ngập nước • Dự án khôi phục sinh thái vùng đất ngập mặn Phòng chống thiên tai, ví dụ: • Các công trình phòng, chống bão lụt • Các công trình sinh thái thủy lợi, chống lũ lụt • Dự án chống hạn hán, bảo vệ nguồn nước • Dự án gia cố đê điều • Dự án công trình xử lý tổng hợp chống xói mòn đất Lưu ý: Dự án trong lĩnh vực này liên quan đến việc du nhập các loài xâm lấn không đủ điều kiện. <i>Nature reserve construction plans (forests, sea, wildlife rescue and rearing areas, desert)</i> Ecological restoration, for example: • Consolidated wetland environment improvement project • Mangrove ecological restoration projects Prevention of natural disasters, for example: • Storm and flood prevention and control works • Ecological irrigation and flood control works • Drought prevention and water conservation projects • Dike reinforcement projects • Soil erosion prevention and integrated treatment projects Note: <i>Projects in this category, involving the introduction of invasive species are not eligible.</i>	Mục tiêu 11. Các thành phố và cộng đồng bền vững Goal 11. <i>Sustainable Cities and Communities</i> 

STT No.	Các lĩnh vực xanh đủ điều kiện <i>Eligible project Categories</i>	Tiêu chí phân loại <i>Classification criteria</i>	Phù hợp với mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc <i>Alignment with UN SDGs</i>
11	Tái chế, tái sử dụng các nguồn tài nguyên <i>Recycling, reusing natural resources</i>	Tái sử dụng nguồn tài nguyên • Khoáng sản • Chất thải rắn thông thường • Chất thải trong xây dựng và làm đường • Các phụ phẩm, phế thải trong nông nghiệp, lâm nghiệp • Tài nguyên tái sinh Lưu ý: Dự án trong lĩnh vực này cần có ít nhất một nhãn sinh thái hoặc chứng nhận môi trường địa phương/quốc tế phù hợp, ví dụ: ◦ Chứng chỉ FSC ◦ Chứng chỉ Rainforest Alliance ◦ Chứng chỉ VSC Repurposing resources • <i>Ordinary solid waste</i> • <i>Waste in construction and road making</i> • <i>Dismantled and manufactured materials</i> • <i>By-products and waste in agriculture and forestry</i> • <i>Renewable resources</i> Note: <i>Projects in this category, must obtain at least one eco-labels or local/international environmental certifications, such as FSC, Rainforest Alliance, VSC, etc:</i> ◦ <i>FSC certification</i> ◦ <i>Rainforest Alliance certification</i> ◦ <i>VSC certification</i>	Mục tiêu 12. Tiêu thụ và sản xuất có trách nhiệm Goal 12. <i>Responsible Consumption and Production</i> 

Các tiêu chí loại trừ *Exclusions*

Khung tiền gửi xanh áp dụng các tiêu chí loại trừ của Khung trái phiếu xanh của Techcombank².

The green deposit framework applies the same exclusions as the Techcombank green bond framework.

Giới hạn trách nhiệm *Disclaimer*

Ngân hàng cam kết sử dụng nguồn vốn từ tiền gửi xanh để tài trợ cho các khoản vay thuộc lĩnh vực và thỏa mãn tiêu chí xanh do Ngân hàng công bố. Định kỳ hằng năm, Ngân hàng sẽ công bố báo cáo tổng hợp danh mục các dự án xanh được tài trợ từ nguồn tiền gửi xanh.

Tuân thủ quy định pháp luật về bảo mật thông tin, Ngân hàng không có nghĩa vụ cung cấp thông tin chi tiết liên quan đến từng dự án, bên vay hoặc các bên tham gia tiền gửi xanh. Việc cung cấp thông tin chi tiết (nếu có) chỉ được thực hiện khi có sự chấp thuận bằng văn bản của các bên liên quan. Ngân hàng không chịu trách nhiệm đối với các yêu cầu vượt quá phạm vi thông tin mà Ngân hàng có nghĩa vụ công bố theo quy định pháp luật và chính sách nội bộ.

The Bank commits to allocating funds from green deposits to eligible loans under the Bank's published Green categories and criteria. The Bank will publish an annual summary report on list of green projects financed by green deposits.

In compliance with applicable confidentiality regulations, the Bank is under no obligation to disclose detailed information regarding specific projects, borrowers, or any party participating in the green deposit arrangement. Any detailed disclosure (if required) shall only be made upon obtaining written consent from the relevant parties. The Bank shall not be responsible for any requests exceeding the scope of information disclosure required under applicable laws and the Bank's internal policies.

Tiền gửi xanh được thiết kế nhằm tuân thủ các nguyên tắc và thông lệ chung liên quan đến tài chính xanh. Tuy nhiên, hiện tại ở cả cấp độ quốc tế và tại Việt Nam vẫn chưa có một khung pháp lý hoặc chuẩn mực thống nhất nào được đồng thuận rộng rãi về thuật ngữ “tiền gửi xanh”. Vì vậy, Ngân hàng không bảo đảm rằng sản phẩm tiền gửi xanh này luôn đáp ứng hoàn toàn các tiêu chí hoặc yêu cầu đặc thù của từng khách hàng, từng quốc gia hay vùng lãnh thổ cụ thể, cũng như không đưa ra bất kỳ cam kết nào về tính phù hợp hay độ tin cậy của các ý kiến, báo cáo, đánh giá hoặc xác nhận từ bên thứ ba liên quan đến sản phẩm Tiền gửi xanh hoặc Khung tiền gửi xanh của Ngân hàng. Khách hàng cần cân nhắc kỹ các quy định cụ thể tại địa bàn hoạt động trước khi tham gia sản phẩm này.

Khung tiền gửi xanh không cho phép các bên trích dẫn, sao chép, hay phân phối tới bất kỳ bên nào mà không được sự đồng ý của Ngân hàng.

Green Deposit is designed to align with the general principles and practices related to green finance. However, at present, both at the international level and in Vietnam, there is still no widely agreed legal framework or unified standard on the term “green deposit”. Therefore, the Bank does not guarantee that the green deposit product always fully meets the specific criteria or requirements of each customer, each specific country or territory, nor does the Bank make any commitment to the suitability or reliability of opinions, reports, assessments or confirmations from third parties related to the Green Deposit product or the Bank's Green Deposit Framework. Customers should carefully consider the specific regulations in their operating territory before participating in this product.

The Green Deposit Framework does not permit citation, copying, or distribution to any party without the consent of the Bank.

² Chi tiết tại Khung Trái phiếu xanh của Techcombank

² For details please visit Techcombank's Green Bond Framework

<https://techcombank.com/content/dam/techcombank/public-site/documents/techcombank-greenbond-framework-04122024.pdf>